

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI

TS. Nguyễn Văn Hồi

Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội,

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Từ nhiều năm qua, đặc biệt là từ khi thực hiện đường lối đổi mới (năm 1986) đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để ổn định chính trị - xã hội, phát triển bền vững. An sinh xã hội được xác định là một bộ phận quan trọng của chính sách xã hội, nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bảo đảm an sinh xã hội là điều kiện để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường, phản ánh bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Tiếp tục phát triển quan điểm, chủ trương đó của Đảng, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011) và nghị quyết của các kỳ đại hội, đặc biệt Nghị Quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020” đã đặt ra yêu cầu “Chính sách xã hội phải được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ...; đồng thời thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm mức sống tối thiểu và hỗ trợ kịp thời người có hoàn cảnh khó khăn; coi bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản hình thành hệ thống an sinh xã hội bao phủ toàn dân với các yêu cầu: bảo đảm người dân có việc làm, thu nhập tối thiểu; tham gia bảo hiểm xã hội; bảo đảm hỗ trợ những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi thu nhập thấp, người khuyết tật nặng, người nghèo,...); bảo đảm cho người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin), góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân”.

Theo số liệu thống kê hiện nay, nước ta có hơn 612.000 doanh nghiệp đang tham gia thị trường có đăng ký, có đến 5 triệu hộ kinh doanh cá thể; lực lượng lao động trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên) khoảng 54,88 triệu người, số người lao động đang làm việc ước tính 53,52 triệu người, gồm: 21,64 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 40,4% tổng số; khu vực công nghiệp và xây dựng 13,7 triệu người, chiếm 25,6%; khu vực dịch vụ 18,18 triệu người, chiếm 34%. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi

quý I/2018 khoảng 2,2%. Trong bối cảnh như vậy, vấn đề đặt ra là hệ thống doanh nghiệp đã và đang có vai trò, trách nhiệm như thế nào để cùng với Nhà nước và cộng đồng giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội.

Thực hiện an sinh xã hội là một nội dung cơ bản và tất yếu trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Trách nhiệm an sinh xã hội của doanh nghiệp là một vấn đề khá mới đối với các nước đang phát triển và ở Việt Nam hiện nay. Theo quan niệm của Hội đồng Thương mại thế giới, thì “trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của doanh nghiệp là sự cam kết trong việc ứng xử hợp đạo lý và đóng góp vào sự phát triển kinh tế, đồng thời cải thiện chất lượng cuộc sống của lực lượng lao động và gia đình họ, cũng như của cộng đồng địa phương và của toàn xã hội nói chung”. Có thể có nhiều cách diễn giải khác nhau, tuy nhiên có thể hiểu trách nhiệm an sinh xã hội của doanh nghiệp bao gồm các yếu tố cấu thành:

- (1) trách nhiệm với thị trường và người tiêu dùng;
- (2) trách nhiệm về bảo vệ môi trường;
- (3) trách nhiệm với người lao động (day nghề, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, BHYT, ATLD...);
- (4) trách nhiệm chung với cộng đồng (người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, bảo vệ trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội...).

Với cách tiếp cận này, có thể thấy trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của doanh nghiệp là trong thực hiện BHXH và trợ giúp xã hội đối với người lao động và cộng đồng, mang tính chất tất yếu và thường xuyên. Nó xuất phát từ chính nhu cầu tồn tại, phát triển của doanh nghiệp và được quy định thực hiện bởi chính sách, pháp luật của nhà nước, không phải là sự trợ giúp, lòng hảo tâm, làm từ thiện của doanh nghiệp và doanh nhân đối với một số nhóm người yếu thế trong xã hội như người khuyết tật, trẻ mồ côi, nạn nhân lũ lụt. Doanh nghiệp thực hiện an sinh xã hội không đơn thuần là những hoạt động từ thiện, trợ giúp cộng đồng mà còn là sự cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho sự phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc quan tâm nâng cao chất lượng lao động và đời sống cho người lao động, cho cộng đồng và cho toàn xã hội. Doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định về BHXH, BHYT, trả lương, thưởng; đào tạo, nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ; điều kiện làm việc đúng quy định đối với người lao động, hoặc cam kết trách nhiệm với cộng đồng nơi doanh nghiệp đóng trụ sở là thước đo để đánh giá doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm an sinh xã hội của mình. Doanh nghiệp thực hiện tốt an sinh xã hội sẽ góp phần tăng năng suất lao động, hiệu quả và lợi nhuận, nâng cao tính cạnh tranh, tăng năng suất, thúc đẩy sự phát triển bền vững, thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện ngày càng cao các tiêu chuẩn quốc gia cũng như quốc tế về điều kiện lao động, hỗ trợ cộng đồng. Đồng thời, doanh nghiệp sẽ tạo ra được một đội ngũ người lao động gắn

bó, yêu thích công việc, tự hào về công ty và làm việc hết mình vì lợi ích chung của “đại gia đình”. Số liệu khảo sát do Viện Khoa học Lao động và Xã hội tiến hành gần đây tại 50 doanh nghiệp thuộc hai ngành dệt may và da giày đã khẳng định nhờ thực hiện các chương trình “trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp” (trong đó có an sinh xã hội) mà doanh thu của các doanh nghiệp này tăng 25%, năng suất lao động tăng từ 34,2 lên 35,8 triệu đồng/lao động/năm, tỷ lệ hàng xuất khẩu tăng từ 94% lên 97%. Ngoài hiệu quả kinh tế, các doanh nghiệp còn có lợi từ việc tạo dựng hình ảnh với khách hàng, sự gắn bó và hài lòng của người lao động, thu hút lao động có chuyên môn cao... Do đó, bản thân doanh nghiệp cần coi việc thực hiện an sinh xã hội chính là đòn bẩy, động lực cho sự phát triển của mình.

Đối với doanh nghiệp nhà nước, thực hiện an sinh xã hội để khẳng định vai trò chủ đạo của mình đối với các thành phần kinh tế. Như chúng ta đã biết, quan điểm về phát triển kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà nước là “tăng trưởng kinh tế gắn liền với công bằng xã hội”. Đồng thời, xác định vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước trong quá trình thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để hiện thực hoá quan điểm này trong cuộc sống thì việc thực hiện an sinh xã hội của các doanh nghiệp luôn đóng vai trò quan trọng. Thực tế cho thấy, trong những năm qua, các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp lớn của Nhà nước như: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); Ngân Hàng Công Thương Việt Nam (Vietinbank); Tập đoàn Dầu khí quốc gia; Công ty Viễn thông quân đội (Viettel)... đã xác định, thực hiện an sinh xã hội chính là sự nghiệp của chính bản thân doanh nghiệp. Bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh, các doanh nghiệp này đã luôn đề cao vai trò, trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của mình đối với người lao động và cộng đồng. Tuy nhiên, đối với khối doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhất là ở khu vực tư nhân, việc chủ động quan tâm thực hiện tốt an sinh xã hội vẫn là điều lạ lẫm đối với không ít doanh nghiệp. Điều này có thể xuất phát từ 2 nguyên nhân chính: nhận thức hoặc khó khăn về tài chính của bản thân các doanh nghiệp. Vấn đề các doanh nghiệp nợ đọng lương, đóng BHXH cho người lao động đang rất báo động.

Theo báo cáo của BHXH Việt Nam, tính đến hết ngày 31/11/2017, tổng số tiền nợ BHXH gần 13,1 nghìn tỷ đồng. Trên thực tế cho thấy, việc doanh nghiệp không quan tâm đến quyền lợi của người lao động, “quyt” tiền đóng BHXH cho người lao động; buộc người lao động làm việc đến kiệt sức hoặc không có giải pháp giúp họ tái tạo sức lao động của mình là điều hoàn toàn xa lạ với trách nhiệm của doanh nghiệp trong thực hiện an sinh xã hội, đồng thời làm cản trở quá trình thực hiện các mục tiêu: tăng trưởng kinh tế gắn liền với công bằng xã hội và xác lập vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước ở Việt Nam hiện nay (đối với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế nhà nước).

Tăng cường vai trò thực hiện an sinh xã hội của doanh nghiệp góp phần khắc phục một số hạn chế của hình thức thực hiện an sinh xã hội truyền thống – phi chính thức. Song song với chính sách an sinh xã hội của Nhà nước, ở Việt Nam đang tồn tại hình thức an sinh xã hội phi chính thức mang tính truyền thống theo liên kết thế hệ trong gia đình, bố mẹ, ông bà chăm sóc con cháu và khi bố mẹ, ông bà không còn khả năng lao động nữa thì con cháu đi làm chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ, ông bà. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập và đòi hỏi ngày càng cao của nền kinh tế như hiện nay thì hình thức an sinh xã hội này đang đặt ra những vấn đề bất cập. Thực tế cho thấy, nếu người trụ cột gia đình bị mất việc làm, hoặc giảm nguồn thu nhập do một lý do nào đó như tình trạng lạm phát thì tất yếu mô hình an sinh xã hội này sẽ không phát huy được vai trò. Bên cạnh hình thức an sinh xã hội truyền thống, một hình thức phi Nhà nước nữa cũng đang tồn tại, đó là xuất phát từ truyền thống đạo lý tốt đẹp của người Việt Nam, như: tinh thần tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách. Những năm qua hình thức này đã phát huy rất hiệu quả trong việc trợ giúp xã hội đối với nhóm xã hội yếu thế, gặp thiên tai địch họa xảy ra bất thường. Tuy nhiên, do là hình thức phi chính thức, nên các hoạt động mang tính tự phát, thời vụ, thậm chí còn phụ thuộc vào sự nhiệt tình của cộng đồng hay lòng hảo tâm của mỗi cá nhân, đôi khi sự hỗ trợ không kịp thời. Với hình thức này, hiện tượng khá phổ biến ở Việt Nam là các doanh nghiệp tích cực tham gia vào các hoạt động từ thiện như: giúp nạn nhân của bão lụt, thiên tai hay tai nạn, đóng góp vào Quỹ xoá đói giảm nghèo của các tổ chức chính trị – xã hội khác nhau. Bên cạnh mặt tích cực, vẫn còn không ít doanh nghiệp chưa nhận thức được thực hiện an sinh xã hội là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, do thiếu quy định pháp luật chặt chẽ về việc khấu trừ số tiền đóng góp vào chi phí trước thuế. Một số doanh nghiệp có động cơ “đánh bóng hình ảnh” với mục đích vụ lợi không trong sáng như làm ăn phi pháp, móc ngoặc, trốn tránh trách nhiệm với người lao động ngay trong doanh nghiệp, gây ô nhiễm môi trường... Do vậy, việc đề cao vai trò của doanh nghiệp trong thực hiện an sinh xã hội với tư cách là một thành tố quan trọng trong trách nhiệm xã hội của bản thân doanh nghiệp sẽ kế thừa những giá trị an sinh truyền thống, đồng thời khắc phục các bất cập hạn chế của các hình thức an sinh xã hội phi chính thức ở Việt Nam hiện nay.

Tăng cường vai trò thực hiện an sinh của doanh nghiệp là góp phần quan trọng trong việc chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong bối cảnh hiện nay. Đặc điểm của hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay là chưa phổ cập trong toàn xã hội, đồng thời chủ yếu được thực hiện bởi Nhà nước, vai trò của doanh nghiệp chưa tương xứng với trách nhiệm vốn có của nó và yêu cầu đặt ra. Nhà nước với vai trò và trách nhiệm của tạo cơ chế bảo đảm những điều kiện tối thiểu về an sinh xã hội cho những thành viên trong xã hội bằng các biện pháp cụ thể hoặc các công cụ chính sách về nguồn lực, bộ máy thực hiện. Nhà nước cũng có thể trực tiếp phân

phối lại thu nhập hoặc gián tiếp thông qua việc hình thành những định chế phù hợp... Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, ngoài trách nhiệm chính của Nhà nước, cần xây dựng hệ thống an sinh xã hội ngoài Nhà nước, trong đó việc đề cao vai trò của doanh nghiệp là hết sức quan trọng. Nếu không có sự tham gia một cách tích cực chủ động của doanh nghiệp thì những khiếm khuyết của hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay khó khắc phục. Chính sách an sinh xã hội hiện nay được biết đến bởi hai hệ thống BHXH và trợ giúp xã hội. BHXH là hình thức an sinh xã hội thực hiện trên nguyên tắc có đóng, có hưởng, kể cả hình thức bắt buộc hay tự nguyện bao gồm y tế, nghề nghiệp, thai sản, tuổi già... Trợ giúp xã hội là hình thức an sinh xã hội thực hiện trên nguyên tắc không đóng vẫn được hưởng, bao gồm: trợ cấp xã hội, trợ giúp khẩn cấp, ưu đãi xã hội... Hình thức an sinh xã hội tự nguyện đang có xu hướng phụ thuộc vào vai trò thực hiện của doanh nghiệp ngày càng lớn. Định hướng trong quá trình xây dựng và thực hiện hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam hiện nay là hoạt động trên nguyên tắc đóng tiền để được bảo hiểm và bảo hiểm đó phải bảo đảm mức sống tối thiểu, cho dù có xảy ra tình trạng khủng hoảng kinh tế hoặc lạm phát. Do vậy, hệ thống an sinh xã hội ở nước ta đang triển khai theo hướng đa tầng, linh hoạt, nhằm mục tiêu cơ bản: (1) giải quyết được những vấn đề cơ bản trong giai đoạn chuyển đổi của Việt Nam; (2) phải mang tính xã hội; (3) bảo đảm độ an toàn và có yếu tố bền vững. Đặc biệt, việc xây dựng một hệ thống BHXH hoàn chỉnh, theo nguyên tắc đóng – hưởng (bao gồm BHXH bắt buộc và tự nguyện, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp...) đang được quan tâm thực hiện. Trước hết, để đối phó với bối cảnh khủng hoảng kinh tế, thất nghiệp gia tăng. Việt Nam đang thực hiện bảo hiểm thất nghiệp, nâng mức lương tối thiểu vùng cho người lao động thì vấn đề xác lập vai trò tích cực hơn của doanh nghiệp trong thực hiện an sinh xã hội lại càng là vấn đề có ý nghĩa mang tính cấp bách. Do vậy, tăng cường sự tham gia của chủ thể doanh nghiệp vào quá trình thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay là một tất yếu nhằm xây dựng và thực hiện hệ thống an sinh của Việt Nam ngày càng tốt hơn, bao phủ rộng hơn, hiệu quả hơn.

Theo Tổng LĐLĐ Việt Nam, một trong nguyên nhân trực tiếp dẫn đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (trong đó có vấn đề thực hiện an sinh xã hội) nửa vời là do tổ chức công đoàn ở một số nơi còn yếu. Tại khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế tư nhân chỉ có khoảng 10% doanh nghiệp có tổ chức công đoàn, nhiều doanh nghiệp tổ chức công đoàn hoạt động chỉ mang tính chất hình thức, là cánh tay nối dài của chủ sử dụng lao động. Do vậy, khi có tranh chấp xảy ra, người lao động trong tình thế không được bảo vệ, để giải quyết vấn đề họ tìm cách đình công. Từ nguyên nhân này dẫn đến, số vụ đình công của công nhân ngày một gia tăng. Theo số liệu tổng hợp của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2017 cả nước xảy ra 164 cuộc đình công và ngừng việc tập thể, khu vực doanh nghiệp FDI chiếm tỷ lệ lớn... Tính chất của các cuộc đình công chủ yếu là đình công tự phát, các xung

đột về lợi ích của người lao động vì thế cũng không giải quyết được. Tình trạng đình công của công nhân xảy ra có nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết phần lớn xuất phát từ lý do doanh nghiệp không thực hiện tốt vấn đề an sinh xã hội cho người lao động như: thu nhập của họ quá thấp, không đủ để trang trải cho cuộc sống; chủ không tuân thủ thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, trong việc trả lương và các khoản trợ cấp cho công nhân... Do vậy, doanh nghiệp quan tâm và thực hiện tốt vấn đề an sinh xã hội cho người lao động sẽ góp phần làm giảm tỷ lệ đình công của công nhân ở Việt Nam hiện nay.

Trong giai đoạn tới, để tăng cường thực hiện các mục tiêu vì sự phát triển bền vững, các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 7, của Nghị Quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020”, tạo điều kiện để doanh nghiệp thực hiện tốt an sinh xã hội, các cơ quan chức năng cần định hướng chính sách an sinh xã hội như sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp quản lý, doanh nghiệp, người lao động về trách nhiệm trong việc thực hiện an sinh xã hội gắn với phát triển bền vững của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Thứ hai, *hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ người dân có việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo và tham gia thị trường lao động*

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, ưu tiên người nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn. Triển khai Luật Việc làm; khẩn trương nghiên cứu xây dựng Chương trình việc làm công. Phân đầu đến năm 2025, tỉ lệ thất nghiệp chung dưới 3%; tỉ lệ thất nghiệp thành thị dưới 4%.

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, trong đó chú trọng các chính sách giảm nghèo đối với các huyện nghèo, ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số thuộc huyện nghèo, xã biên giới, xã an toàn khu, xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, thu hẹp chênh lệch về mức sống và an sinh xã hội so với bình quân cả nước. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo để giảm nghèo bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm 1,5 - 2%/năm; các huyện, xã có tỉ lệ nghèo cao giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình biến động lao động trong các doanh nghiệp, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, các dự án phải dừng, giãn tiến độ để có các giải pháp kịp thời tạo điều kiện cho người lao động mất việc nhanh chóng tìm được việc làm; theo dõi chặt chẽ tình hình lao động đang làm việc ở nước ngoài, kịp thời đề

xuất các giải pháp để đảm bảo quyền lợi hợp pháp và an toàn cho người lao động. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, nâng cao năng lực dự báo và cung cấp thông tin thị trường lao động tại các vùng nông thôn, vùng chuyển đổi cơ cấu đất đai; tổ chức việc làm tạm thời cho người lao động nghèo bị thất nghiệp, thiếu việc làm trong các hộ gia đình nghèo hoặc cận nghèo.

- Theo dõi tình hình tiền lương, thu nhập của người lao động; nghiên cứu đề xuất giải pháp để cải thiện tiền lương, thu nhập để người lao động bớt khó khăn trong điều kiện lạm phát, giá cả sinh hoạt tăng cao; giảm nguy cơ tranh chấp lao động.

- Tập trung triển khai các Đề án dạy nghề hiện hành; triển khai các chương trình, dự án di dân, định canh, định cư cho người dân gắn với điều kiện cụ thể của các vùng, nhằm ổn định cuộc sống cho nhân dân, tạo điều kiện chuyển đổi nghề.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo hiểm xã hội

Nghiên cứu, sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, bảo hiểm xã hội. Hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế quản lý Quỹ bảo hiểm xã hội để bảo đảm yêu cầu cân đối và tăng trưởng của Quỹ bảo hiểm xã hội. Nghiên cứu xây dựng chính sách khuyến khích nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Rà soát, bổ sung quy định buộc người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật. Phân đầu đến năm 2025 có khoảng 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; tăng tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Thứ tư, tăng cường trợ giúp xã hội người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng với hình thức hỗ trợ thích hợp; nâng dần mức trợ cấp xã hội thường xuyên phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Xây dựng mức sống tối thiểu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội làm căn cứ xác định người thuộc diện được hưởng trợ giúp xã hội. Tiếp tục hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội. củng cố, nâng cấp hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội, phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão. Phân đầu đến năm 2030 có chính sách trợ giúp xã hội đời với 40% dân số có thu nhập thấp.

Thực hiện tốt công tác hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và phương thức tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp đột xuất; mở rộng sự tham gia hỗ trợ của cộng đồng.

Thứ năm, bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số

- Bảo đảm giáo dục tối thiểu

Tiếp tục thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án về giáo dục. Mở rộng và tăng cường các chế độ hỗ trợ, nhất là đối với thanh niên, thiếu niên thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo, xã, thôn bản đặc biệt khó khăn để bảo đảm phổ cập giáo dục bền vững. Tăng số lượng học sinh trong các trường dân tộc nội trú, mở rộng mô hình trường bán trú; xây dựng và củng cố nhà trẻ trong khu công nghiệp và vùng nông thôn. Xây dựng đề án phổ cập mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi. Nâng cao chất lượng phổ cập trung học cơ sở, đặc biệt là đối với con em hộ nghèo, dân tộc thiểu số và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Phân đầu đến năm 2020 có 99% trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học, 95% ở bậc trung học cơ sở; 98% người trong độ tuổi từ 15 trở lên biết chữ; trên 70% lao động qua đào tạo.

- Bảo đảm y tế tối thiểu

Tiếp tục triển khai chiến lược, các chương trình, đề án về y tế, nhất là đề án khắc phục quá tải ở các bệnh viện. Cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tuyến cơ sở, ưu tiên các huyện nghèo, xã nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hoàn thiện việc phân công quản lý các đơn vị thuộc ngành y tế ở địa phương. Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Đến năm 2025, trên 90% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ; tỉ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân 10%. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình phòng, chống lao quốc gia, giảm mạnh số người bị mắc bệnh lao và chết do lao, phân đầu đưa Việt Nam ra khỏi danh sách 20 nước có tỉ lệ người mắc bệnh lao cao nhất thế giới.

Nâng cao hiệu quả sử dụng bảo hiểm y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, các hộ nghèo. Sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm y tế, đổi mới công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế, có chính sách khuyến khích người dân, nhất là người có thu nhập dưới mức trung bình tham gia bảo hiểm y tế. Đến năm 2020 trên 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế và hướng đến bao phủ BHYT toàn dân.

- Bảo đảm nhà ở tối thiểu

Cải thiện điều kiện nhà ở cho người nghèo, người có thu nhập thấp ở đô thị, từng bước giải quyết nhu cầu về nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp và học sinh, sinh viên.

Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện chương trình xóa nhà tạm giai đoạn 2013 - 2020. Đổi mới cơ chế hỗ trợ nhà ở cho người thu nhập thấp ở đô thị để có giá

thuê, giá mua hợp lý với các đối tượng. Tập trung khắc phục những khó khăn về đất đai, quy hoạch, vốn, thủ tục, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh doanh tham gia thực hiện các dự án phát triển nhà ở xã hội, có chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở tại các khu công nghiệp.

- Bảo đảm nước sạch

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2020 và các năm tiếp theo, ưu tiên cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở miền núi, hải đảo, vùng ngập lũ, vùng bị nhiễm mặn. Cải thiện cơ bản tình trạng sử dụng nước sinh hoạt của dân cư, đặc biệt là dân cư nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng núi cao thiếu nước. Đến năm 2020, 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 70% sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia.

- Bảo đảm thông tin

Tăng cường thông tin truyền thông đến người dân nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn. Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Củng cố và phát triển mạng lưới thông tin cơ sở, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; bảo đảm 100% số xã khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo được phủ sóng phát thanh, truyền hình mặt đất và 100% các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và xã an toàn khu, xã bãi ngang ven biển và hải đảo có đài truyền thanh xã.

Thứ sáu, tăng cường công tác thanh, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định liên quan đến thực hiện an sinh xã hội quy định tại Bộ Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế và các Luật có liên quan khác. Khen thưởng, nêu gương, nhân rộng mô hình các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.